

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Minh Chiến.

2. Ông Dương Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Kim Y, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Quốc H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn bà Trịnh Kim Y trình bày:*

Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H đã tự nguyện chung sống với nhau được 08 năm, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Y xác định trong đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, bà Y cho rằng ông H có mối quan hệ với người khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Y xác định bà và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Y và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 21/6/2017, bị đơn ông Đinh Quốc H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông H và bà Y tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong đời sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, ông H và bà Y đã ly thân với nhau khoảng 01 năm, bà Y yêu cầu ly hôn ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H với bà Y không có con chung nên ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Ông H và bà Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bà Y vẫn bảo lưu quan điểm là: yêu cầu xin được ly hôn với ông H. Về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về hôn nhân: Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Y và ông H không được pháp luật thừa nhận. Bà Y và ông H đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên cả hai người đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do bà Y và ông H hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa bà Y và ông H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Y phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của bà Y được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh Quốc H tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H không có con chung nên không Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Trịnh Kim Y và ông Đinh Quốc H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trịnh Kim Y phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của bà Trịnh Kim Y 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013575 ngày 20 tháng 4 năm 2017 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Minh Khánh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Ngọc Hiến, ngày 27 tháng 3 năm 2017*

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vụ án: Hôn nhân và gia đình.

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Trung Thi - sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 166, Khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Trần Kim Na - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Cái Xép, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Trung Thi có mặt chị Trần Kim Na vắng mặt.

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Khánh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồng Chí Tính.**

**Ông Dương Thanh Hải.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Ân Tình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền.

Căn cứ vào Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hôm nay, ngày 27 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền. Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất 3/3 quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Trung Thi được ly hôn với chị Trần Kim Na.

- Về con chung: Giao con tên Huỳnh Trần Thiên Thanh, sinh ngày 27/11/2004 hiện đang sống với anh Huỳnh Trung Thi cho anh Thi tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Kim Na không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Kim Na có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của anh Huỳnh Trung Thi.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh Huỳnh Trung Thi và chị Trần Kim Na tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Anh Huỳnh Trung Thi phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng. Phần dự nộp của anh Huỳnh Trung Thi 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013230 ngày 14 tháng 10 năm 2016 được đối trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

